



Dān mài

丹麦

proper noun (country) · Denmark

Example Sentences

Dān mài shì yí gè běi ōu guó jiā
丹麦是一个北欧国家。

Denmark is a Nordic country.

Wǒ míng nián xiǎng qù Dān mài lǚ xíng
我明年想去丹麦旅行。

I want to travel to Denmark next year.

Trace each character, then write the word on your own.

丹 丹 丹 丹 丹 丹 丹

麦 麦 麦 麦 麦 麦 麦 麦 麦 麦